

Bản án số: 160 /2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/12/2020.

V/v “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Ng Song.

2. Ông Dương Văn Đến.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020, về việc: “ xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2020/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Thạch Thị Đ, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P M, xã M C, huyện C T, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* anh Thạch N, sinh năm 1982 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: ấp PM, xã MC, huyện C T, tỉnh Trà Vinh.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Cháu Thạch Thị Ng K, sinh ngày 23/5/2009 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P M, xã M C, huyện C T, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2020, và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị Đ trình bày: Trước đây vào năm 2009 chị với anh Thạch N tự tìm hiểu quen biết nhau, sau đó dẫn đến cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/12/2010. Trong quá trình sống chung chị với anh Ng có 01 đứa con chung tên Cháu Thạch Thị Ng K, sinh ngày 23/5/2009, sống được một thời gian thì anh Ng rượu chè bê tha, cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị phải đi làm kiếm tiền về phụ trả nợ cho anh Ng, nhiều lần chị tạo điều kiện cho hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Ng không làm được, từ đó chị sống ly thân nhau từ giữa năm 2018

cho đến nay, về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân của chị với anh Ng bị rạn nứt, sống chung không có hạnh phúc, nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh Ng, về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi Cháu Thạch Thị Ng K, chị Đ không yêu cầu anh Ng phụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Thạch N:* vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Cháu Thạch Thị Ng K, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2009 trình bày: cha cháu tên Thạch N, mẹ cháu tên Thạch Thị Đ, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Qua biên bản xác minh bà Thạch Thị P là mẹ ruột anh Thạch N vào ngày 30 tháng 10 năm 2020 cho biết: về hôn nhân vào năm năm 2010 bà có cưới Thạch Thị Đ cho con bà là anh Thạch N và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M C, huyện C T, tỉnh Trà Vinh, sau ngày cưới chúng nó đi tỉnh Đồng Nai làm thuê, và sinh được 01 con chung là Cháu Thạch Thị Ng K, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2009, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do Đ thường xuyên kiểm chuyện chửi bới Ng, về tài sản chung và nợ chung của hai vợ chồng Đ và Ng cũng không có. Nay Đ xin ly hôn với Ng thì bà không có ý kiến gì do Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các khoản 1 Điều 28 về quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 về thẩm quyền giải quyết, Điều 68 về tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng, Điều 97 về thu thập chứng cứ, Điều 196, 208, 220, Khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, nguyên đơn chị Thạch Thị Đ có bản tự khai và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, còn anh Thạch N Tòa án có ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do, nên không có lời khai, Tòa án mời hòa giải, xét xử đến lần thứ hai nhưng anh Thạch N không chấp hành.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh Thạch N, về con chung do Cháu Thạch Thị Ng K, sinh ngày 23/5/2009, có nguyện vọng sống với mẹ và hiện tại chị Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng, nghĩ nên giao cho chị Đ tiếp tục nuôi cháu Ng Kim là phù hợp với điều kiện sống hiện tại và nguyện vọng của cháu, chị Đ không yêu cầu anh Ng phụ cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, nợ chung chị Đ khai không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Đ là người dân tộc khome sống ở ấp có kinh tế đặc biệt khó

khẩn, nên được miễn tiền án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Chị Thạch Thị Đ và anh Thạch N xác lập quan hệ hôn nhân, và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 10 tháng 12 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã MC, huyện C T, tỉnh Trà Vinh là đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung chị Đ với anh Ng có 01 con chung tên Cháu Thạch Thị Ng K, sinh ngày 23/5/2009, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh Ng đi uống rượu, cờ bạc không lo làm ăn, không sống chung với nhau được, từ đó dẫn đến hai vợ chồng sống ly thân nhau từ giữa năm 2018 cho đến nay.

[2] Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Thạch Thị Đ và anh Thạch N không có khả năng đoàn tụ được, đời sống chung ngày càng trầm trọng không thể kéo dài, nên chị Đ làm đơn xin được ly hôn với anh Thạch N là có căn cứ nghĩ nên chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định; thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng ở đây hai người sống với nhau được một đứa con chung, anh Ng không lo làm ăn nuôi con chung và xây dựng hạnh phúc gia đình, mà anh thường xuyên ăn nhậu về, cờ bạc dẫn đến gây nợ nần dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, bản thân anh Ng không quan tâm lo cho mẹ con chị Đ, từ đó dẫn đến hai người phải sống ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai. Nên chị Đ quyết làm đơn xin ly hôn với anh Ng là phù hợp pháp luật.

Từ các cơ sở phân tích trên, thấy rằng mục đích hôn nhân của chị Thạch Thị Đ với anh Thạch N không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy việc chị Thạch Thị Đ xin ly hôn với anh Thạch N. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Đ.

[4] Về con chung: Xét Cháu Thạch Thị Ng K, sinh ngày 23/5/2009, có nguyện vọng sống với chị Đ, nghĩ nên giao cho chị Thạch Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp qui định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do chị Đ không có yêu cầu anh Ng phụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, và nợ chung: chị Thạch Thị Đ trình bày không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí: chị Thạch Thị Đ được miễn không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 272; và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: các Điều 19;56;69;81;82;83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị Đ.

Cho chị Thạch Thị Đ được ly hôn với anh Thạch N.

Về con chung: chị Thạch Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch Thị Ng Kim, sinh ngày 23/5/2009, anh Thạch N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Ng Kim, do chị Đ không yêu cầu.

Anh Thạch N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cấm.

Nợ chung, tài sản chung: chị Thạch Thị Đ, khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Thạch Thị Đ là người dân tộc khome sinh sống ở ấp có kinh tế đặc biệt khó khăn, nên được miễn không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm mà chị Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001387 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Anh Thạch N không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**Lê Văn Tâm**





